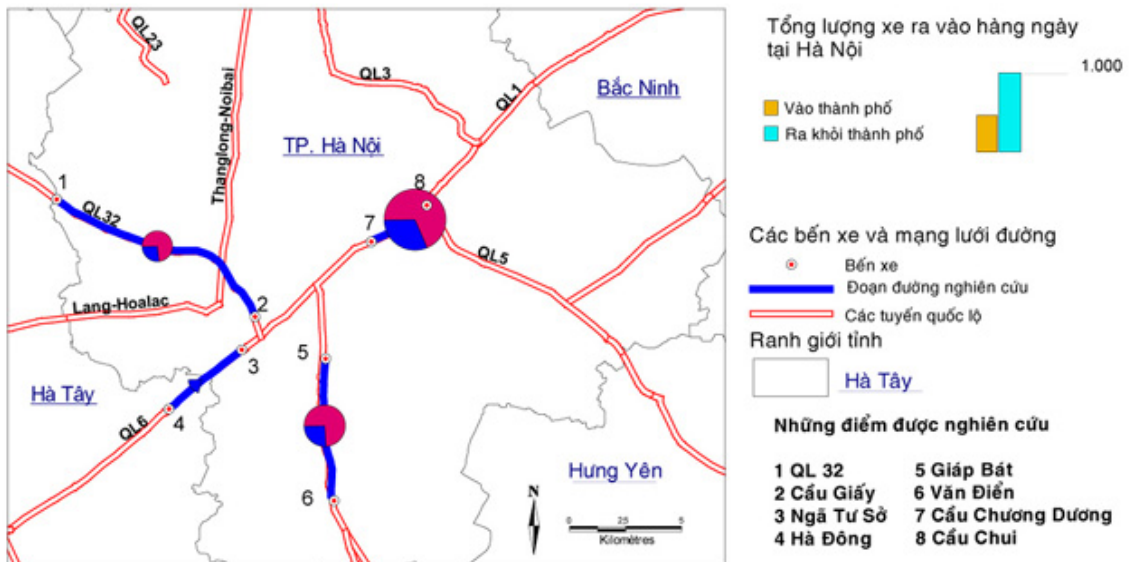


N° 25 : Giao thông đường bộ tại Hà Nội năm 2001

Bản đồ này thể hiện một vài chỉ số về lưu lượng người tham gia giao thông trên những trục đường quan trọng của Hà Nội : đường vào và đường ra. Số lượng người vào và ra khỏi Hà Nội hầu như ngang bằng nhau trên tất cả các đoạn đường nghiên cứu.

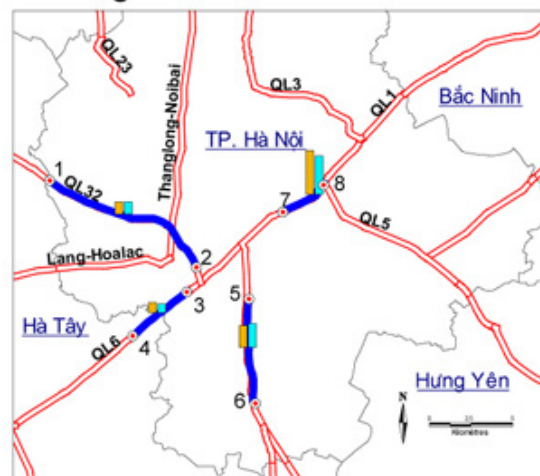
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TẠI HÀ NỘI



Hướng đi vào thành phố



Hướng đi ra các tỉnh



Lưu lượng giao thông đạt mức cao nhất trên đoạn đường thuộc quốc lộ 1, giữa Cầu Chui và Cầu Chương Dương. Nếu quan sát kỹ điểm đến của hành khách, hoặc là hướng về trung tâm Hà Nội, hoặc là về phía ngoại thành Hà Nội, gần 3/4 số phương tiện đi về phía trung tâm Hà Nội đến từ các tỉnh ngoại thành Hà Nội. Hà Nội thu hút một lượng lớn dân ngoại tỉnh, có thể đây là những người nông dân đi bán hàng hoá tại các chợ thủ đô. Đây cũng là tỷ lệ của các phương tiện đi theo hướng ra ngoại vi thành phố.

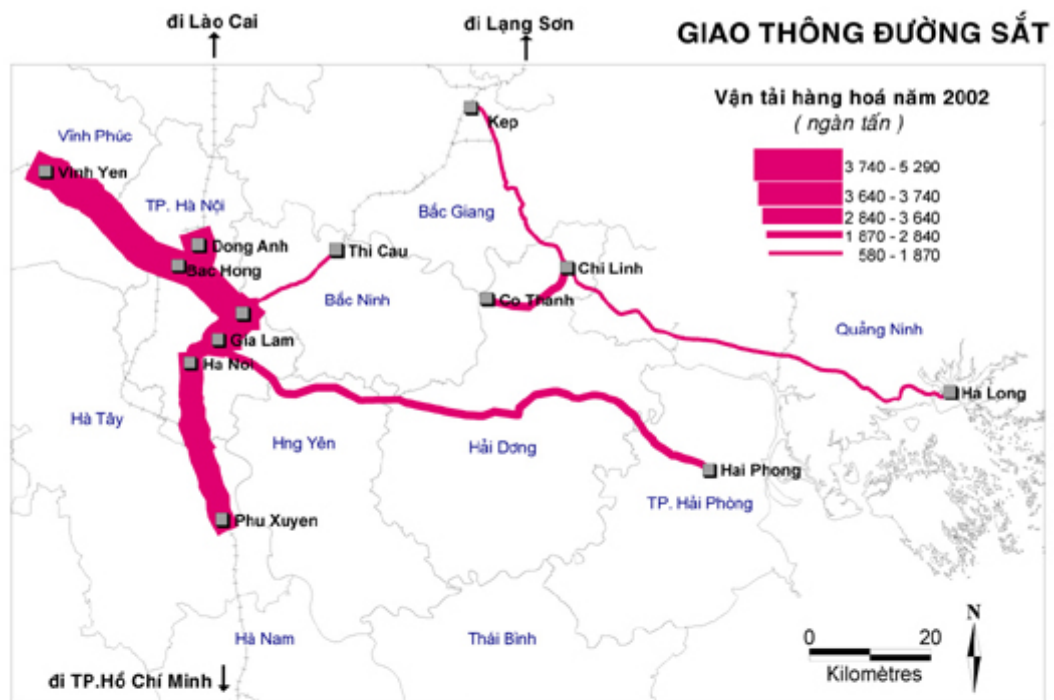
Trên quốc lộ 6, phần lớn các phương tiện đi về hướng ngoại thành Hà Nội đến từ các tỉnh khác. Chắc chắn có một bộ phận thuộc đối tượng di chuyển hàng ngày giữa Hà Đông và Hà Nội, những người sống ở Hà Đông nhưng làm việc ở Hà Nội.

N° 26 : Giao thông đường sắt năm 2002

Lượng hàng hoá thông thương quan trọng nhất trên những tuyến đường sắt nối liền Hà Nội với các ga của các tỉnh Vĩnh Phúc và Hà Tây (ga Vĩnh Yên và ga Phú Xuyên).

Lưu thông hàng hoá tương đối thấp trên những tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng và Hà Nội – Hạ Long, mặc dù lượng hàng hoá trao đổi giữa 3 thành phố này rất lớn. Giao thông chủ yếu diễn ra bằng đường bộ.

Đối với hoạt động vận chuyển hành khách, những tuyến đường diễn ra nhiều hoạt động giao thông nhất cũng là những tuyến đường diễn ra các hoạt động vận tải hàng hoá (ga Hà Nội với các ga Vĩnh Yên tỉnh Vĩnh Phúc và ga Phú Xuyên tỉnh Hà Tây). Việc vận chuyển hành khách cũng diễn ra tương đối yếu trên các tuyến Hà Nội – Hải Phòng và Hà Nội – Hạ Long.



Nguồn: Quy hoạch giao thông Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, 08/2004

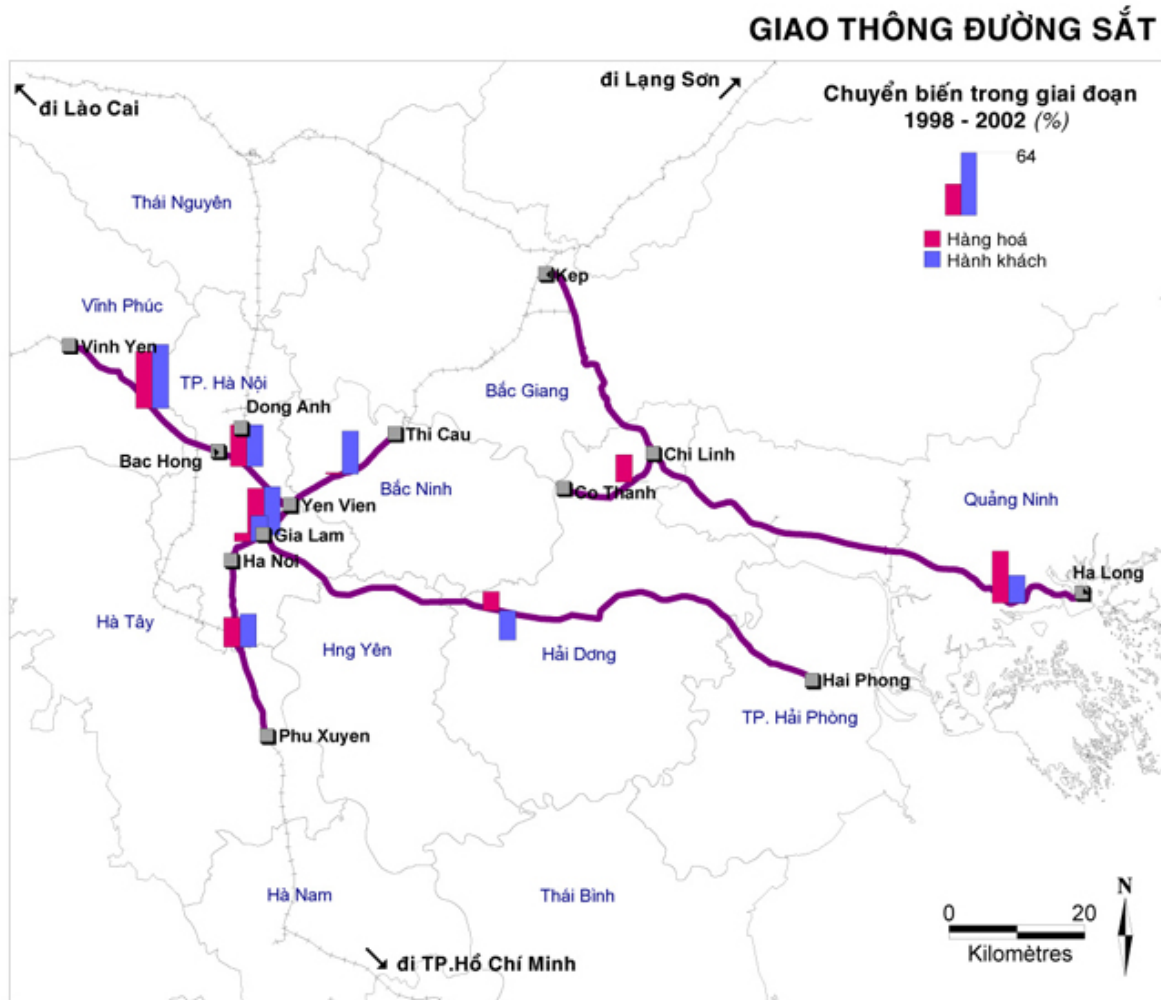
INPUR - IMV, 2005.

N° 27 : Sự tăng trưởng của giao thông đường sắt giai đoạn 1998-2002

Tỷ lệ tăng trưởng trong giai đoạn 1998-2002 cho thấy hoạt động vận chuyển hành khách và vận tải hàng hoá cùng tăng trên những tuyến đường nối nội thành Hà Nội với các ga Vĩnh Phúc và Phú Xuyên. Trên những tuyến Hà Nội – Hải Phòng và Hà Nội – Hạ Long, hoạt động chuyên chở hàng hoá và hàng khách tăng nhẹ, trừ hoạt động vận chuyển hành khách giữa Hà Nội và Hải Phòng lại giảm. Sự sụt giảm này có thể được lý giải là do việc đưa vào sử dụng quốc lộ 5 mới trong giai đoạn này.

Kết luận :

Theo Đồ án quy hoạch vùng, cần khuyến khích những mối quan hệ về kinh tế giữa các trung tâm kinh tế chính của miền bắc như Hà Nội, Hải Phòng và Hạ Long để phát huy hiệu quả của tam giác tăng trưởng kinh tế, cần khuyến khích việc vận tải hàng hoá bằng đường sắt với việc hiện đại hoá các tuyến đường sắt.



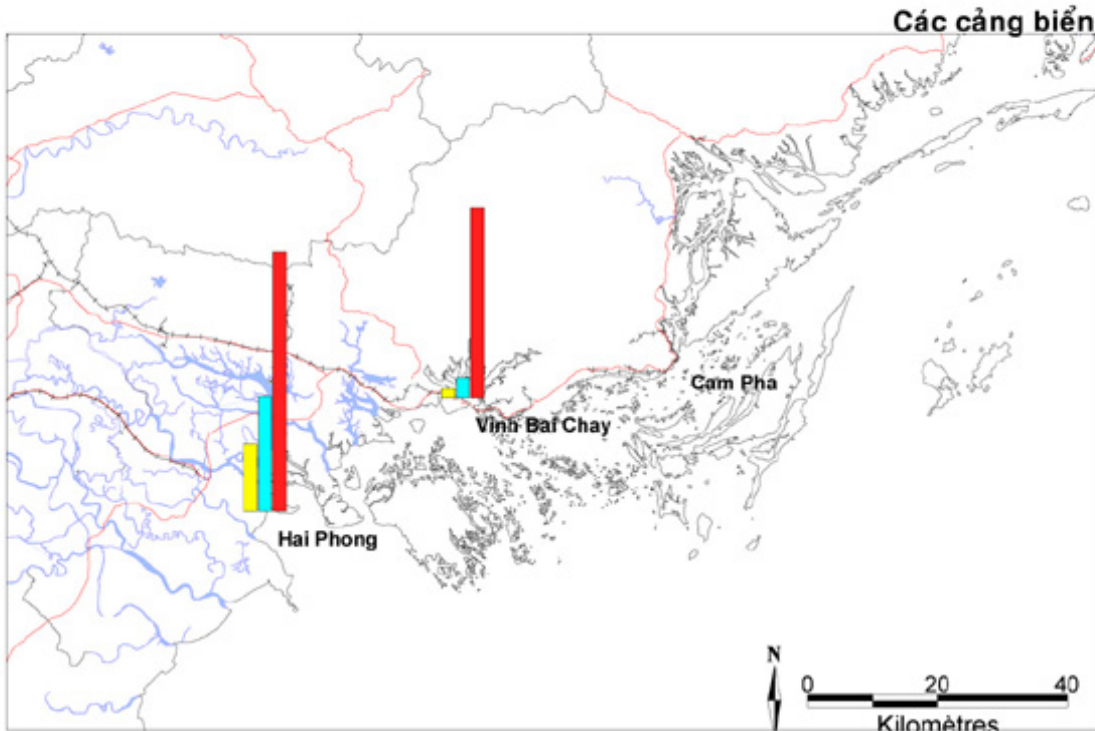
N° 28 : Giao thông đường sông và đường biển

Khối lượng hàng hoá được vận chuyển đã tăng trong giai đoạn 1993-1997 tại các cảng đường sông ở Hà Nội, Ninh Bình và giảm tại các cảng ở Việt Trì và Nam Định.

Khối lượng hàng hoá được chuyên chở quá cảnh qua các cảng của Hải Phòng và Hạ Long đã tăng đáng kể trong giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2003. Điều đó chứng tỏ tính năng động trong hoạt động vận chuyển cảng giữa hai thành phố này. Tại 2 cảng này, sự tăng trưởng diễn ra mạnh nhất trong giai đoạn 1998 – 2003 và đặc biệt ấn tượng ở cảng Hạ Long.

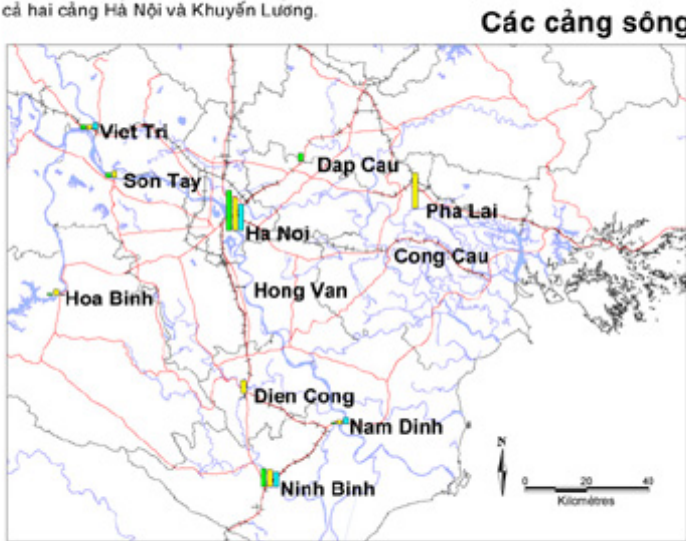
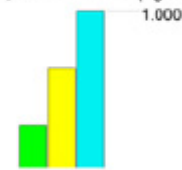
Cảng ở Hạ Long vừa được hiện đại hoá và đưa vào hoạt động năm 2004 để trở thành cảng nước sâu duy nhất ở miền bắc Việt Nam.

Vận tải hàng hoá GIAO THÔNG ĐƯỜNG THUY

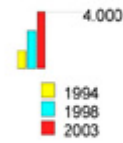


Ghi chú : Cảng Hà Nội được tính gộp số liệu của cả hai cảng Hà Nội và Khuyến Lương.

Lượng hàng hoá vận chuyển qua các năm 1993, 1995 và 1997 (ngàn tấn)



Lượng hàng hoá vận chuyển qua các năm 1994, 1998 và 2003 (ngàn tấn)



Nguồn : VITRANSS, 2000

INPUR - IMV, 2005

Chương 4 Điều kiện sống và môi trường

N° 29 : Hiện trạng nhà ở năm 1999

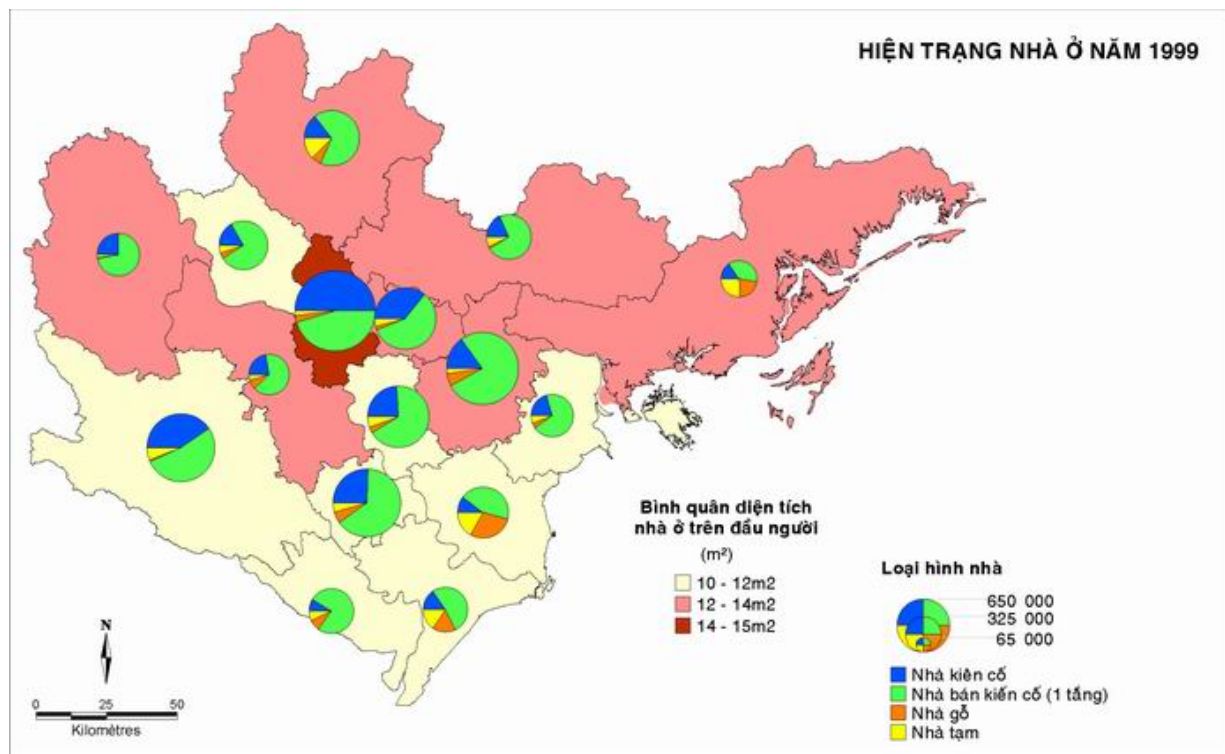
Kiểu nhà ở phổ biến nhất là nhà bán kiên cố.

Chất lượng nhà ở tốt nhất là ở Hà Nội, nơi có diện tích nhà ở theo bình quân đầu người cao nhất, điều này có thể được lý giải là do nhịp độ xây dựng nhà ở Hà Nội nhanh hơn các địa phương khác. Phần lớn nhà ở đây là kiên cố và bán kiên cố gắn liền với mức sống ở Hà Nội cao hơn mức sống ở các tỉnh khác.

Diện tích nhà theo bình quân đầu người thấp nhất ở các tỉnh thuần nông đông dân thuộc vùng châu thổ sông Hồng như : Hải Phòng, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Hoà Bình.

Mặt khác, nhà bằng gỗ và nhà tạm chiếm một tỷ lệ cao ở các tỉnh Quảng Ninh, Nam Định và nhất là ở Thái Bình.

Những dữ liệu về nhà ở cần kết hợp với những số liệu liên quan đến mức sống của người dân và nhịp độ xây dựng nhà ở của mỗi tỉnh.



Nguồn: Tổng điều tra dân số 1999

INPUR-IMV, 2005.

N° 30 : Đào tạo đại học và kỹ thuật năm 2003⁵

Sinh viên đại học :

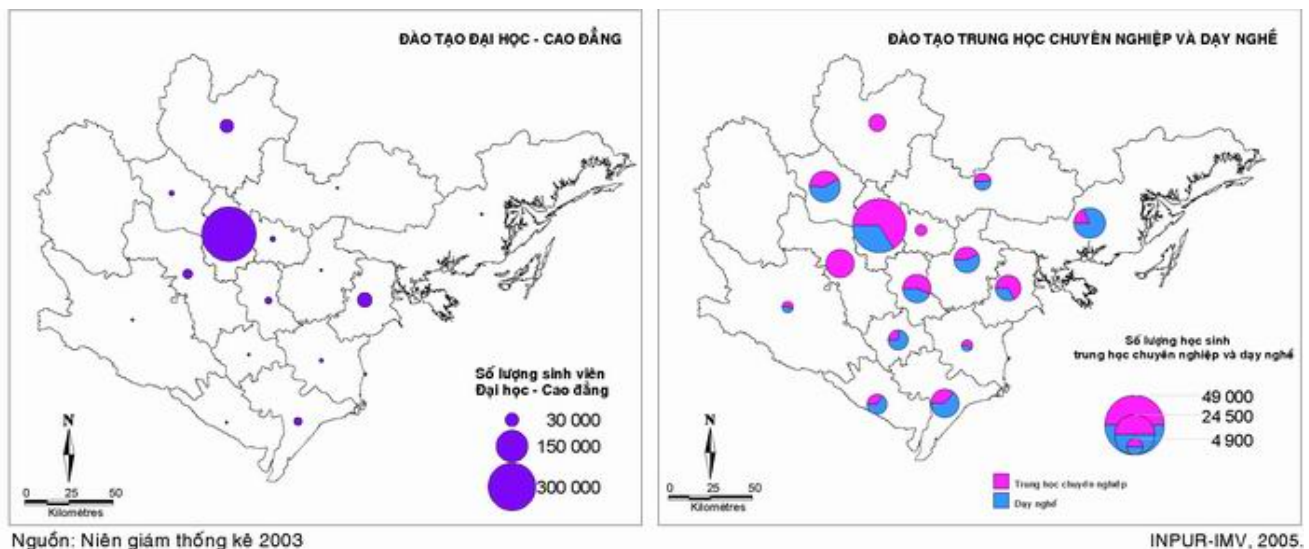
Phần lớn sinh viên đại học tập trung về Hà Nội, trung tâm giáo dục đại học hàng đầu trong cả nước. Hai tỉnh khác cũng thu hút nhiều sinh viên sau Hà Nội (nhưng còn kém xa so với Hà Nội) là Hải Phòng và Thái Nguyên.

Có một nghịch lý rất quan trọng là trên thực tế, ở một số tỉnh, sự phát triển công nghiệp diễn ra mạnh mẽ song lại có rất ít sinh viên, điều này thể hiện sự thiếu cơ chế hấp dẫn thu hút sinh viên đại học.

Sinh viên các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề :

Sinh viên của các trường trung học chuyên nghiệp có ở tất cả các tỉnh, nhưng đông nhất vẫn là ở Hà Nội.

Các tỉnh không có sinh viên đại học thì tiếp nhận sinh viên của các trường chuyên nghiệp và dạy nghề.



N°31 : Không gian tự nhiên

Bản đồ sử dụng đất nông nghiệp và lâm nghiệp thể hiện sự phân chia rất rõ nét diện tích trồng trọt là loại đất nông nghiệp hay đất lâm nghiệp và những không gian “tự nhiên” được bảo vệ hoặc cần bảo vệ.

Sự phân bố không gian như vậy rõ ràng dựa trên các đơn vị địa mạo, về cơ bản được phân thành hai kiểu môi trường : vùng châu thổ canh tác lúa nước nơi con người tập trung sinh sống và sản xuất nông nghiệp và vùng đồi núi thấp viền quanh với các

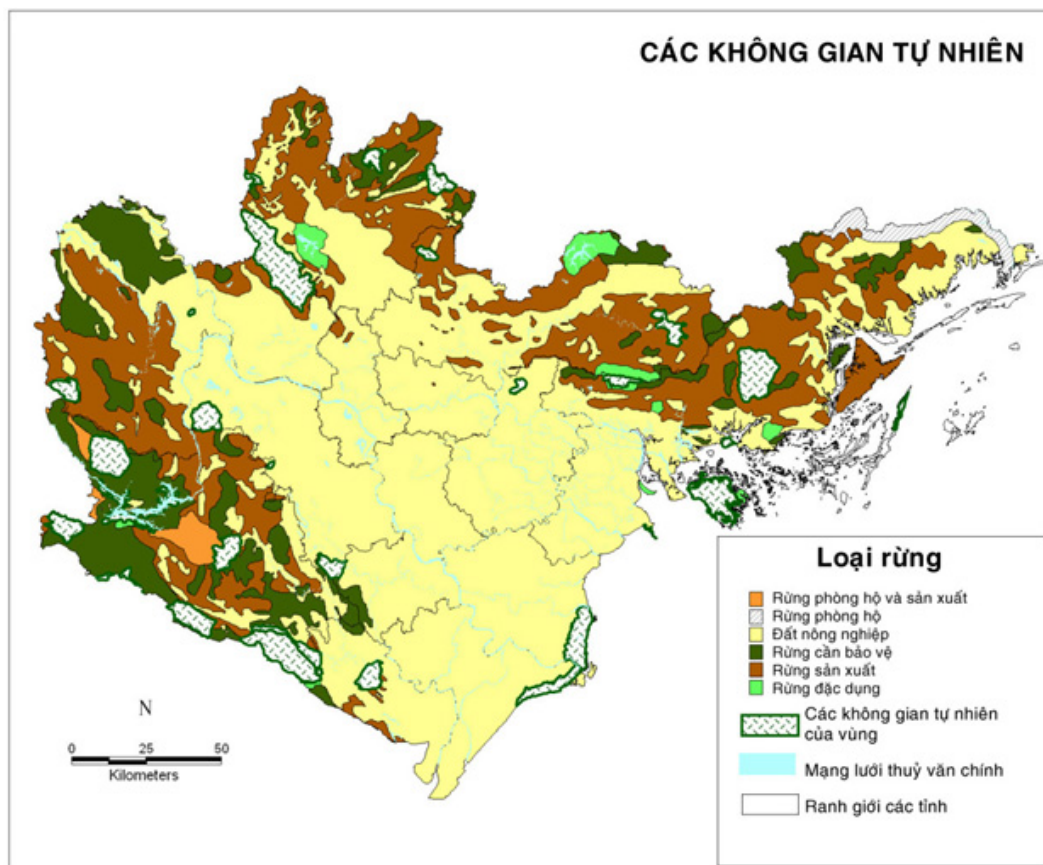
⁵ Thiếu dữ liệu của tỉnh Phú Thọ.

thảm rừng che phủ ở những mức độ khác nhau và là nơi còn ít có tác động của con người.

Như vậy, các tỉnh thuộc vùng châu thổ sông Hồng có ít "công viên tự nhiên", trừ các tỉnh Thái Bình và Nam Định, hay Ninh Bình với rừng quốc gia Cúc Phương thu hút rất nhiều khách du lịch.

Những không gian lâm nghiệp được xếp thành nhiều loại hình phân bố tuân tự theo không gian từ vùng châu thổ đến vùng trung du miền núi. Trên thực tế, ở vùng bán sơn địa chủ yếu là rừng đặc dụng tiếp đến là rừng hỗn hợp kết hợp giữa rừng đặc dụng và rừng bảo tồn. Các không gian tự nhiên hay rừng bảo vệ nằm ở khu vực ranh giới của vùng nghiên cứu, chủ yếu ở các tỉnh Hoà Bình và Phú Thọ ở phía tây, tiếp đến là Thái Nguyên và rải rác ở Quảng Ninh.

Rõ ràng cần phải tiến hành các hoạt động bảo tồn và nâng cao giá trị môi trường sống trong các tỉnh này và trong các công viên tự nhiên với chu vi đã được xác định như Ba Vì, Cúc Phương, Tam Đảo, Cát Bà hay Kỳ Thượng. Ở các tỉnh lâm nghiệp, chính sách quy hoạch cần được phối hợp đồng bộ với các chính sách về kinh tế và môi trường, cần cân nhắc giữa cái được cái mất và tính đến những xung đột về lợi ích phát triển. Ở khu vực chung quanh Hà Nội, các không gian tự nhiên hợp thành một vùng đệm giải trí, nơi các biện pháp bảo vệ môi trường sống kết hợp với việc phát triển các hoạt động du lịch hay rộng hơn là các hoạt động phát triển kinh tế cần được nắm bắt một cách nhanh chóng tuy nhiên cũng cần nghĩ đến chiến lược phát triển dài hạn.

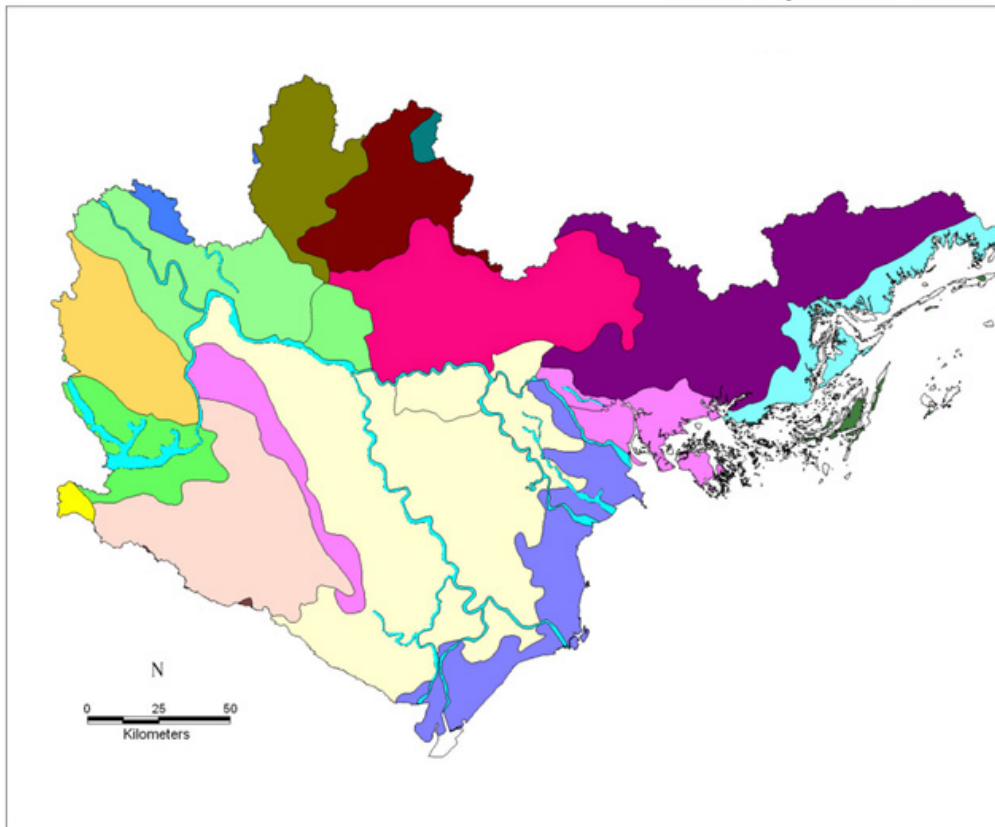


Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1997

N°32 : Bản đồ các hệ sinh thái

Một hệ sinh thái là một tổng thể cân bằng các thực thể sống, các phi thực thể và các tham biến vật lý có những tác động qua lại rất phức tạp. Các hệ sinh thái được nhận dạng trên bản đồ này cho phép thực hiện được việc khoanh vùng sơ bộ trên toàn địa bàn, vượt qua mọi đơn vị hành chính, cho phép nắm được việc sử dụng đất cho sản xuất nông nghiệp và sinh sống của con người, xác định được mức độ nhạy cảm của từng vùng đối với những tác động lên vùng đó. Dựa trên những đường phân chia mạng thuỷ văn, các không gian này được phân biệt rõ bởi các đơn vị thổ nhưỡng, địa mạo và sinh vật đặc thù. Từ bản đồ gốc này, có thể lập được nhiều bản đồ chú trọng thể hiện tính nhạy cảm của các hệ sinh thái, phân chia theo từng cấp độ : rất yếu, yếu, trung bình và cao với mục đích để ra công tác bảo vệ phù hợp.

CÁC HỆ SINH THÁI



Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1997



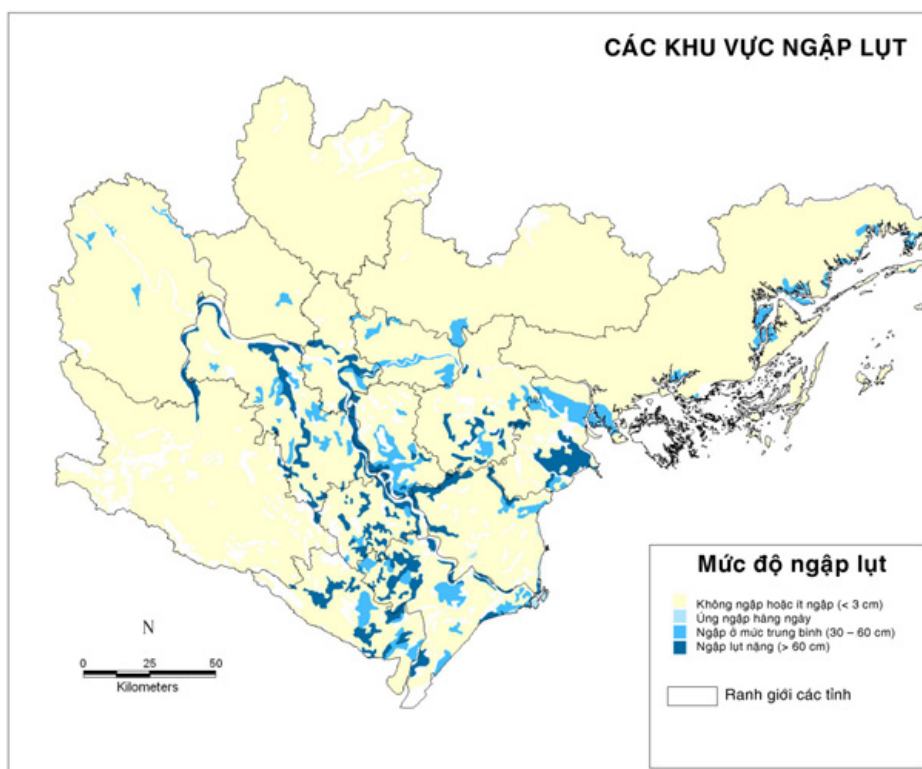
Về mặt không gian, có thể nhận dạng được nhiều diện mạo :

- Các hệ sinh thái châu thổ thể hiện rõ nét qua các vùng đất phù sa bồi tích như tại những tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam và Ninh Bình. Có thể thêm vào tỉnh Hà Tây, địa phương có một phần phía tây theo hướng tây – bắc/đông – nam là một vùng bán sơn địa và các tỉnh duyên hải như Nam Định và Thái Bình, nơi có 1/3 diện tích đất khu vực ven biển bị nhiễm mặn.
- Các hệ sinh thái sông như hệ sinh thái châu thổ sông Hồng kết hợp giữa đất potzon hay lưu vực sông Đà ở phía tây xen lẫn các vùng trung du.
- Các hệ sinh thái đảo như ở Cát Bà hay những hệ sinh thái ở vùng núi cao ngoài rìa vùng nghiên cứu.

Các vùng này với những đặc tính vật lý rất khác nhau chịu những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người tùy thuộc vào mức độ mạnh hay yếu, thô bạo hay có chừng mực có tác động khác nhau đến sự cân bằng của các hệ sinh thái.

N°33 : Các vùng ngập lụt

Bản đồ này thể hiện một cách sơ lược những vùng nằm trong khu vực dễ bị ngập nước. Những vùng dễ bị ngập nước trong vùng châu thổ là do có độ cao thấp và có địa hình mấp mô, đặc biệt hơn là ở phía hạ lưu các con sông và các dòng chảy theo độ dốc của địa hình. Nguy cơ ngập lụt ở những vùng đông dân nhất miền Bắc còn nghiêm trọng hơn, điều này có ảnh hưởng một cách lặp đi lặp lại theo chu kì hoặc hàng ngày đến các hoạt động của con người tùy thuộc các mức độ khác nhau.



Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1997

Những tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Hà Tây và Hải Phòng là những địa phương chịu tình trạng này thường xuyên hơn cả, một số vùng đất có thể bị ngập sâu dưới 60 cm nước, đó là các vùng ven bờ sông, bờ suối hay những vùng trũng. Một phần địa bàn của các địa phương như Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình và Bắc Ninh cũng bị ngập nước.

Kết luận

Cả quy hoạch cơ sở hạ tầng hay nhất là quy hoạch trung tâm đô thị đều cần phân tích yếu tố quan trọng này. Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang và Quảng Ninh là các tỉnh tương đối ít phải chịu nguy cơ ngập lụt nên có thể chọn để phát triển một số Đồ án quy hoạch. Những khó khăn liên quan đến nước là rất lớn. Cần đặc biệt chú ý đến mật độ dân số và việc tập trung các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất, cả việc hạn chế những rủi ro do ngập lụt bằng cách xây dựng hoặc di dời một số các hoạt động sang những vùng không bị ngập lụt và việc giảm bớt nguy cơ ô nhiễm luôn gắn liền với những bất trắc do ngập lụt.

Để một vùng có sức hấp dẫn, chất lượng môi trường là một yếu tố không thể tránh khỏi. Sự đa dạng sinh thái là một tài sản quý giá của vùng nghiên cứu. Để bù lại sự thiếu bền vững của đa dạng sinh thái gây ra do những nguy cơ ngập lụt, ô nhiễm và sự huỷ hoại độ che phủ của rừng cũng như của các vùng tự nhiên, đa dạng sinh học có thể đảm bảo sự phát triển của các vùng. Mức độ dễ bị xâm hại của đa dạng sinh học cần được giải quyết trên một phạm vi rộng hơn bằng cách tính đến một chính sách quy hoạch vùng mà các đơn vị hành chính hiện có không đủ quy mô thích đáng.

PHỤ LỤC : Thống kê dữ liệu

Chủ đề	Nguồn	Thời điểm công bố	Thời điểm nhập dữ liệu	Năm tổng kết dữ liệu	Quy mô	Tiêu chí	Dạng tài liệu	Nhập dữ liệu	Ghi chú
Kinh tế – xã hội	JICA	10/3/2005	3/2005	2000/2002	Các tỉnh phía bắc VN	GDP 2000 GDP/vốn Số lượng lao động năm 1999 Tỷ lệ phần trăm GDP GDP/Tỷ lệ phần trăm vốn Sản lượng công nghiệp năm 2002 FDI HDI HPI	Bản in giấy	X X X X X X X X	Tốt Thiếu tỉnh Phú Thọ
« Thông tin giai đoạn 2001-2005 »	Ban quản lý các khu công nghiệp	2004			Các tỉnh (8)	Tên các khu CN Vị trí Diện tích (ha) Dự đoán về lao động Các ngành hoạt động Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Excel	X X X X X X	Không phải tất cả
Quy hoạch chung về phát triển du lịch theo từng tỉnh, giai đoạn 1998-2010						Tên các khu công nghệ Vị trí Diện tích (ha) Loại	Excel	X X X X	Không đầy đủ
Diện mạo vùng quy hoạch					Hà Nội Vùng HN	Số đô thị/tỉnh Diện tích	Bản in giấy	X X	Tốt Thiếu tỉnh Phú

					Vùng kinh tế Sông Hồng Khu vực phía Bắc Toàn quốc	Mật độ Tổng số dân năm 2003 Dân cư đô thị năm 2003 Tỷ lệ đô thị GDP 2000 GDP bình quân đầu người năm 2000 Số lượng lao động năm 1999 Sản lượng công nghiệp năm 2002 FDI 1988 – 2003 IDH Chỉ số đói nghèo Tỷ lệ% diện tích rừng 2002 Tỷ lệ% diện tích đất nông nghiệp 2002 Tỷ lệ% diện tích đô thị hoá 2002		X X X X X X X X X X X X X X X	Thọ
Những chỉ số được lựa chọn cho vùng Hà Nội, Dân số và Đô thị hoá	JICA	2005	3/05	2002	Các tỉnh phía Bắc-VN (15 tỉnh)	Dân số năm 2003 Cư dân đô thị 2003 Tỷ lệ% đô thị hoá 2003 Mật độ Diện tích đô thị hoá Số TP hay trung tâm đô thị loại 3 Vị trí so với HN	Bản in giấy	X X X X X X	Tốt Thiếu tỉnh Phú Thọ
Môi trường	JICA	2005	3/05	2002	Các tỉnh phía Bắc-VN (15 tỉnh)	Diện tích các tỉnh Diện tích rừng Diện tích đất nông nghiệp	Bản in giấy	X X X	Tốt Thiếu tỉnh Phú Thọ

					Thái Bình Nam Định, Ninh Bình				
Nhu cầu đất công nghiệp từ nay đến năm 2010 tỉnh Bắc Ninh	Quy hoạch và phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Ninh		2005			Tên các loại hình công nghiệp, vị trí, diện tích được quy hoạch, diện tích bổ sung, diện tích bổ sung trong tương lai			Trùng với tài liệu số 2
Các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương	Báo cáo thực hiện đồ án "xây dựng các khu công nghiệp của Hải Dương giai đoạn 2001-2005", Ban quản lý các khu công nghiệp	2004	2005		Tỉnh Hải Dương	Tên các loại hình công nghiệp, vị trí (xã), diện tích, vốn (tỷ đồng), ngành nghề			Trùng với tài liệu số 3
Các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây	Ban quản lý các khu công nghiệp	2004	2005		Tỉnh Hà Tây	Tên các loại hình công nghiệp, vị trí (xã), diện tích, lao động, ngành nghề			Trùng với tài liệu số 4
Các khu công nghiệp tỉnh Hoà Bình	Ban quản lý các khu công nghiệp	2004	2005		Tỉnh Hoà Bình	Tên các loại hình công nghiệp, vị trí (xã), diện tích, lao động, vốn (đồng), ngành nghề			Trùng với tài liệu số 5
Các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên	Ban quản lý các khu công nghiệp	2004	2005		Tỉnh Hưng Yên	Tên các loại hình công nghiệp, vị trí (xã), diện tích, lao động, vốn (đồng), ngành nghề			Trùng với tài liệu số 6
Các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam	Ban quản lý các khu công nghiệp	2004	2005		Tỉnh Hà Nam	Tên các loại hình công nghiệp, vị trí (xã), diện tích, lao động, vốn (đồng), ngành nghề			Trùng với tài liệu số 7
Các khu du lịch tỉnh Hải Dương	Quy hoạch và phát triển du lịch tỉnh Hải Dương từ nay đến 2020	2004	2005		Tỉnh Hải Dương	Tên các loại hình công nghiệp, vị trí (xã), diện tích, lao động, vốn (đồng), ngành nghề			Trùng với tài liệu số 8
Các khu công nghiệp tỉnh	Ban quản lý	2004	2005		Tỉnh Vĩnh Phúc	Tên các loại hình			Trùng với tài liệu

Vĩnh Phúc	các khu công nghiệp					công nghiệp, vị trí (xã), diện tích, lao động, vốn (đồng), ngành nghề			số 9
Các khu công nghiệp của Hà Nội	Ban quản lý các khu công nghiệp	2004	2005		TP Hà Nội	Tên các loại hình công nghiệp, vị trí (xã), diện tích, lao động, vốn (đồng), ngành nghề			Trùng với tài liệu số 10
Dự đoán diện tích đất công nghiệp vùng Hà Nội	INPUR		2005	2003, dự báo 2010, 2020	Các tỉnh (8)	Tổng diện tích, diện tích các khu CN, d.tích các cụm CN vừa và nhỏ và các làng nghề			Không nhập
Sử dụng đất của vùng Hà Nội	GSO		2005	2003	Các tỉnh (8)	Diện tích và tỷ lệ đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất đặc dụng, đất ở trong đô thị, đất ở nông thôn, đất chưa sử dụng		X	Tốt
Thu nhập của vùng Hà Nội	INPUR		2005	2003	Các tỉnh (8)	GDP, từng khu vực, bình quân đầu người		X	Tốt
Hiện trạng các khu công nghiệp trong vùng Hà Nội	INPUR		2005	2003	Các tỉnh (8)	Đơn vị sản xuất, đơn vị vốn nước ngoài, lao động, giá trị sản xuất (triệu đồng)/viên chức, tỷ lệ tăng trưởng		X	Tốt
Hiện trạng các khu vực dịch vụ trong vùng Hà Nội	INPUR		2005	2003	Các tỉnh (8)	Giao thông, thương mại, giáo dục, sức khỏe		X	Không đều
Hiện trạng các khu vực nuôi thả cá trong vùng Hà Nội	INPUR		2005	2003	Các tỉnh (8)	Giá trị sản xuất, sản xuất, chăn nuôi		X	Không đều, không lập thành bản đồ
Hiện trạng các khu vực trồng trọt trong vùng Hà Nội	INPUR		2005	2003	Các tỉnh (8)	Giá trị sản xuất, diện tích và sản lượng theo cây trồng, vật nuôi		X	Không đều
Lao động trong vùng Hà Nội	INPUR		2005	2003	Các tỉnh (8)	Tổng số dân, dân số ở độ tuổi lao động (hiện có và tỷ lệ %), lao động (hiện có và		X	Không đều

						tỷ lệ %), phân bố theo khu vực (hiện có và tỷ lệ %)			
Dự báo lao động trong vùng Hà Nội	INPUR		2005	Dự đoán 2010	Các tỉnh (8)	Tổng số dân năm 2010, dân số ở độ tuổi lao động (hiện có và tỷ lệ %), lao động (hiện có và tỷ lệ %), phân bố theo khu vực (hiện có và tỷ lệ %)		X	Không đều
Dự báo dân cư đô thị và tỷ lệ đô thị hoá theo 3 giả thuyết trong vùng Hà Nội	INPUR		2005	Dự đoán 2010/2020/2030				X	ước đoán, không được sử dụng
Cư dân trung tâm đô thị	GSO		2005	2003	Các tỉnh (8)	Hiện có	Bản in giấy	X	Tốt
Danh sách số lượng các làng nghề	JICA	2004	2005	2002	Việt Nam	Số làng nghề ở mỗi tỉnh	Bản in giấy	X	Tốt
Thống kê	GSO			1999	Quận-huyện	Tổng số dân, dân đô thị, dân nông thôn	Tin học	X	Tốt
Thống kê	GSO			1999	Tỉnh	các hoạt động (chi tiết)	Tin học	X	Tốt
Thống kê	GSO			1999	Tỉnh và quận-huyện	Dịch cư (bảng 2.1., 2.2 và 2.4)	Tin học	X	Tốt
Thống kê	GSO			1999	Tỉnh và quận-huyện	Loại nhà ở, diện tích nhà ở/hộ gia đình (Bảng 7.3 và 7.4)	Tin học	X	Tốt
Hà Nội	Chi cục thống kê thành phố	2003						X	Không đều
Hà Tây	Chi cục thống kê tỉnh	2003						X	Không đều
Hà Nam	Chi cục thống kê tỉnh	2003						X	Không đều
Hoà Bình	Chi cục thống kê tỉnh	2003						X	Không đều
Vĩnh Phúc	Chi cục thống kê tỉnh	2003						X	Không đều
Bắc Ninh	Chi cục thống kê tỉnh	2003						X	Không đều
Hưng Yên	Chi cục thống kê tỉnh	2003						X	Không đều
Hải Dương	Chi cục thống kê tỉnh	2003						X	Không đều

Phát triển giao thông quốc gia tại Việt Nam	VITRANSS	2001		1997-1999	VN, vùng mở rộng		Bản in giấy + CD	X	Một vài số liệu về các tỉnh và về đường giao thông. Các số liệu cũ (1997-1999)
Sơ đồ quy hoạch giao thông miền Bắc	TEDI-Bộ GTVT	2004		1999-2003	VN, tỉnh, đoạn	Giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường hàng không Thực trạng và triển vọng	Bản in giấy	X	Tốt
Khảo sát, Nghiên cứu vận tải hành khách liên tỉnh từ Hà Nội đi các tỉnh, từ các tỉnh đến Hà Nội và biện pháp quản lý trong cơ chế thị trường	UBND TP Hà Nội, sở GT-VT	12/ 2001			Các đoạn đường chính của HN	Số lượng hành khách và phương tiện theo chiều lưu thông	Bản in giấy	X	Một vài số liệu đáng quan tâm về lưu lượng vào và ra khỏi HN
Hiện trạng môi trường Việt Nam 2003	Bộ tài nguyên và môi trường	2003	30/3/05	2002	Các tỉnh (không phải tất cả)	Chất thải (theo loại)	Bản in giấy	X	Không đầy đủ
Kết quả điều tra về mức sống các hộ gia đình năm 2002	GSO	2002	4/05	2002	Các tỉnh VN	Dữ liệu về kinh tế-xã hội	Bản in giấy	X	Dữ liệu về thu nhập và nhà ở